

Bản án số: 377/2024/DS-ST
Ngày: 01/7/2024
V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Minh Thanh

Ông Võ Thành Viên

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thu Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà – Lê Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 661/2023/DSST ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 190/2024/QĐXX- DS ngày 17 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 171/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT.

Trụ sở chính: Số 266 – 268 NK, phường V, Quận 3, Thành phố H

Đại diện theo pháp luật của Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT: Bà Nguyễn Đức Thạch D, sinh năm 1973 - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1990 – Chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ và thanh lý tài sản – TT-XLN.

Địa chỉ: Lầu 13, 266-268 NK, phường V, Quận 3, Thành phố H (Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng N, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Số 334/34/2 NVN, Phường 7, quận GV, Thành phố H (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 10 năm 2023; bản tự khai và các lần làm việc tại Tòa án đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ngày 18/01/2023, ông Nguyễn Trọng N (gọi tắt là bị đơn) có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT (gọi tắt là Nguyên đơn, Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập thực tại, tình hình tài chính và đề nghị của ông Nguyễn Trọng N, Ngân hàng đã đồng ý cấp 01 thẻ tín

dụng 4225-VS payWave Cre Platium Cashback, số thẻ: 436438-**** với hạn mức sử dụng là 40.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Nguyễn Trọng N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 51.223.618 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Nguyễn Trọng N đã thanh toán (theo thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cho ngân hàng số tiền là 12.641.993 đồng. Ông Nguyễn Trọng N không tiếp tục thanh toán nợ thẻ tín dụng 4225-VS payWave Cre Platium Cashback, số thẻ: 436438-**** đã sử dụng cho Ngân hàng kể từ tháng 06/2023. Từ đó đến nay Ngân hàng nhiều lần mời lên làm việc, gửi thông báo nhắc nhở nhưng ông N vẫn không liên lạc với Ngân hàng và không có thiện chí trả nợ. Như vậy, ông Nguyễn Trọng N đã vi phạm N vụ thanh toán đối với Ngân hàng (Điều 26 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông N đối với thẻ tín dụng 4225-VS payWave Cre Platium Cashback, số thẻ: 436438-**** vào ngày 05/6/2023 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 13 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến ngày 05/10/2023, ông N còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 51.894.601 đồng. Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Buộc ông Nguyễn Trọng N phải trả ngay cho Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT tổng số tiền tạm tính đến ngày 05/10/2023 là 51.894.601 đồng (*Năm mươi một triệu tám trăm chín mươi bốn ngàn sáu trăm lẻ một đồng*), trong đó: Nợ gốc là 50.031.901 đồng, lãi phát sinh: 1.862.700 đồng.

2/ Ông Nguyễn Trọng N có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 06/10/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

3/ Trong trường hợp ông Nguyễn Trọng N không thanh toán nợ vay đúng thời hạn theo phán quyết của Tòa, Ngân hàng chúng tôi được toàn quyền chỉ định phát mãi bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Nguyễn Trọng N để đảm bảo toàn bộ N vụ trả nợ cho Ngân hàng.

4/ Buộc ông Nguyễn Trọng N thanh toán toàn bộ án phí, chi phí phát sinh trong quá trình tố tụng (nếu có).

Ngày 06/12/2023, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT có bản tự khai yêu cầu :

1/ Buộc ông Nguyễn Trọng N phải trả ngay cho Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT tổng số tiền tạm tính đến ngày 05/10/2023 là 51.894.601 đồng (*Năm mươi một triệu tám trăm chín mươi bốn ngàn sáu trăm lẻ một đồng*), trong đó: Nợ gốc là 50.031.901 đồng, lãi phát sinh: 1.862.700 đồng.

2/ Ông Nguyễn Trọng N có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 06/10/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

3/ Trong trường hợp ông Nguyễn Trọng N không thanh toán nợ vay đúng thời hạn theo phán quyết của Tòa, Ngân hàng chúng tôi được toàn quyền chỉ định

phát mãi bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Nguyễn Trọng N để đảm bảo toàn bộ N vụ trả nợ cho Ngân hàng.

4/ Buộc ông Nguyễn Trọng N thanh toán toàn bộ án phí, chi phí phát sinh trong quá trình tố tụng (nếu có).

Ngày 07/6/2024, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT có bản tự khai yêu cầu :

1/ Buộc ông Nguyễn Trọng N phải trả ngay cho Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT tổng số tiền tạm tính đến ngày 07/6/2024 là 67.168.741 đồng (Sáu mươi bảy triệu một trăm sáu mươi tám ngàn bảy trăm bốn mươi một đồng), trong đó: Nợ gốc là 50.031.901 đồng và lãi quá hạn: 17.136.840 đồng.

2/ Ông Nguyễn Trọng N có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 08/6/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Ngày 01/7/2024, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT có bản tự khai yêu cầu :

1/ Buộc ông Nguyễn Trọng N phải trả ngay cho Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT tổng số tiền tạm tính đến ngày 01/7/2024 là 68.658.901 đồng (Sáu mươi tám triệu sáu trăm năm mươi tám ngàn chín trăm lẻ một đồng), trong đó: Nợ gốc là 50.031.901 đồng và lãi quá hạn: 18.627.000 đồng.

2/ Ông Nguyễn Trọng N có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 02/7/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ và triệu tập ông Nguyễn Trọng N đến Tòa án để lấy lời khai nhưng ông N không đến. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của ông Nguyễn Trọng N theo Quyết định cung cấp tài liệu, chứng cứ số 1618/2023/QĐ-CCTLCC ngày 07/12/2023, tại địa chỉ số 334/34/2 NVN, Phường 7, quận GV, Thành phố H, được biết: “Đương sự Nguyễn Trọng N, sinh năm 2001 có đăng ký thường trú tại địa chỉ số 334/34/2 NVN, Phường 7, quận GV, Thành phố H. Hiện bán nhà không rõ nơi đến”.

Căn cứ vào Quyết định cung cấp tài liệu, chứng cứ số 51/2024/QĐ-CCTLCC ngày 08/01/2024 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp và trả lời xác minh của Công an Phường 7, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, được biết: “Ông Nguyễn Trọng N, sinh năm 2001, Căn cước công dân số 079201009616 cấp ngày 02/6/2022 không còn nơi thường trú tại địa chỉ số 334/34/2 NVN, Phường 7, quận GV, Thành phố H. Đã bán nhà đi rất lâu”.

Căn cứ vào Quyết định cung cấp tài liệu, chứng cứ số 468/2024/QĐ-CCTLCC ngày 09/4/2024 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp và trả lời xác minh của Công ty cổ phần dịch vụ GHN, trụ sở số 456 NK, Phường 3, quận PN, Thành phố H được biết: “Ông Nguyễn Trọng N không phải là nhân viên làm việc tại bất kỳ cơ sở, địa điểm kinh doanh, văn phòng đại diện nào của giao hàng nhanh”. Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 07/5/2024, được biết: “Từ trước đến nay không có ông Nguyễn Trọng N, sinh năm 2001 làm việc tại Công ty dịch vụ giao hàng nhanh tại số 456 NK, Phường 3, quận PN, Thành phố H.

Ngày 18/01/2024, Tòa án đã thông báo cho đại diện nguyên đơn về kết quả xác minh theo quyết định cung cấp tài liệu, chứng cứ số 1618/2023-QĐ-CCTLCC ngày 07/12/2023; Quyết định cung cấp tài liệu, chứng cứ số 51/2024/QĐ-CCTLCC ngày 08/01/2024 trả lời xác minh của Công an phường 7, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh và yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ nơi ở mới của ông Nguyễn Trọng N. Tuy nhiên, ngày 21/02/2024, Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT Phòng giao dịch Nguyễn Văn Cừ trả lời bằng công văn số 033/2024/CV-PGD NVC về việc phúc đáp Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 108/2024/QĐ-CCTLCC ngày 18/01/2024 cho biết Ngân hàng đã xác minh chỗ ở thường trú của ông Nguyễn Trọng N tuy nhiên ông Nguyễn Trọng N đã bán nhà và hiện tại không còn ở địa chỉ thường trú số 334/34/2 NVN, Phường 7, quận GV, Thành phố H. Hiện tại Ngân hàng cũng không nhận được phản hồi về địa chỉ cư trú mới từ ông Nguyễn Trọng N. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử niêm yết theo địa chỉ thường trú của ông N tại số 334/34/2 NVN, Phường 7, quận GV, Thành phố H.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông N không đến, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông N hợp lệ theo quy định pháp luật vì vậy Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo pháp luật quy định.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT do ông Nguyễn Văn C là đại diện theo ủy quyền có đơn xin vắng mặt xét xử tuy nhiên ông vẫn giữ yêu cầu :

1/ Buộc ông Nguyễn Trọng N phải trả ngay cho Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT tổng số tiền tạm tính đến ngày 01/7/2024 là 68.658.901 đồng (*Sáu mươi tám triệu sáu trăm năm mươi tám ngàn chín trăm lẻ một đồng*), trong đó: Nợ gốc là 50.031.901 đồng và lãi quá hạn: 18.627.000 đồng.

2/ Ông Nguyễn Trọng N có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 02/7/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Ông Nguyễn Trọng N là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng và đầy đủ nội dung quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải. Thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng .

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử : Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đương sự phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết :

1.1 Việc xác định nơi cư trú cuối cùng của bị đơn :

Nguyên đơn khởi kiện ông Nguyễn Trọng N tại nơi thường trú của ông Nguyễn Trọng N tại địa chỉ: Số 334/34/2 NVN, Phường 7, quận GV, Thành phố H. Qua xác minh của Công an phường 7, quận Gò Vấp được biết: “Ông Nguyễn Trọng N, sinh năm 2001, Căn cước công dân số 079201009616 cấp ngày 02/6/2022 có đăng ký thường trú tại địa chỉ số 334/34/2 NVN, Phường 7, quận GV, Thành phố H. Không còn nơi thường trú trên đã bán nhà đi rất lâu”.

Ngày 18/01/2024, Tòa án đã thông báo cho đại diện nguyên đơn về kết quả xác minh theo quyết định cung cấp tài liệu, chứng cứ số 1618/2023-QĐ-CCTLCC ngày 07/12/2023; Quyết định cung cấp tài liệu, chứng cứ số 51/2024/QĐ-CCTLCC ngày 08/01/2024 trả lời xác minh của Công an phường 7, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh và yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ nơi ở mới của ông Nguyễn Trọng N. Tuy nhiên, ngày 21/02/2024, Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT Phòng giao dịch Nguyễn Văn Cừ trả lời bằng công văn số 033/2024/CV-PGD NVC về việc phúc đáp Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 108/2024/QĐ-CCTLCC ngày 18/01/2024 cho biết Ngân hàng đã xác minh chỗ ở thường trú của ông Nguyễn Trọng N tuy nhiên ông Nguyễn Trọng N đã bán nhà và hiện tại không còn ở địa chỉ thường trú số 334/34/2 NVN, Phường 7, quận GV, Thành phố H. Hiện tại Ngân hàng cũng không nhận được phản hồi về địa chỉ cư trú mới từ ông Nguyễn Trọng N. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử niêm yết theo địa chỉ thường trú của ông N tại số 334/34/2 NVN, Phường 7, quận GV, Thành phố H. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn việc trả đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án. Nguyên đơn khởi kiện đúng địa chỉ ông N thường trú và việc ông N bán nhà, chuyển đi nơi khác không báo cho Ngân hàng được coi là cố tình giấu địa chỉ do đó Hội đồng xét xử xác định nơi cư trú cuối cùng của ông N là địa chỉ số 334/34/2 NVN, Phường 7, quận GV, Thành phố H là đúng trình tự theo quy định của pháp luật .

1.2 Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Trọng N về yêu cầu trả số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 18/01/2023 được ký kết giữa hai bên. Bị đơn ông Nguyễn Trọng N có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ số 334/34/2 NVN, Phường 7, quận GV, Thành phố H, đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại

khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.3 Về thủ tục tố tụng :

Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin vắng mặt tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Nguyễn Trọng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về nợ gốc:

Căn cứ vào hợp đồng ký ngày 18/01/2023 đã ký giữa Ngân hàng hàng thương mại cổ phần SGTT với ông Nguyễn Trọng N sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng). Căn cứ thu nhập thực tại, tình hình tài chính và đề nghị của ông Nguyễn Trọng N, Ngân hàng đã đồng ý cấp 01 thẻ tín dụng 4225-VS payWave Cre Platium Cashback, số thẻ: 436438-**** với hạn mức sử dụng là 40.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật. Nội dung các bên thỏa thuận xuất phát từ sự tự nguyện không trái với các quy định của pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 18/01/2023 đã ký giữa Ngân hàng hàng thương mại cổ phần SGTT với ông Nguyễn Trọng N; bản tự khai ngày 06/12/2023 ; ngày 07/6/2024 và ngày 01/7/2024 của đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng; Bản sao kê ngày 10/10/2023; ngày 07/6/2024 và ngày 01/7/2024, Ngân hàng đã đồng ý cấp 01 thẻ tín dụng 4225-VS payWave Cre Platium Cashback, số thẻ: 436438-**** với hạn mức sử dụng là 40.000.000 đồng mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ, ông N đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 51.223.618 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 12.641.993 đồng còn lại nợ gốc tạm tính đến ngày 01/7/2024 là 50.031.901 đồng. Tuy nhiên qua nhiều lần nhắc nhở ông N vẫn không thanh toán thêm cho Ngân hàng bất kỳ khoản tiền nào. Theo quy định tại khoản 2 điều 95 Luật tổ chức tín dụng quy định: “Trong trường hợp khách hàng không trả nợ đến hạn thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ theo hợp đồng tín dụng” và tại Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 về N vụ trả tiền và khoản 1 Điều 466 Luật dân sự năm 2015 quy định “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”. Ông N đã vi phạm N vụ về thời gian thanh toán nợ gốc theo như hợp đồng đã ký kết. Vì vậy yêu cầu của Ngân hàng buộc ông N phải trả số tiền nợ gốc là 50.031.901 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nợ lãi:

Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 18/01/2023; Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT và các văn

bản khác ông Nguyễn Trọng N đã ký với Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT về việc sử dụng thẻ tín dụng, Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT đã cấp cho ông N 01 thẻ tín dụng 4225-VS payWave Cre Platium Cashback, số thẻ: 436438-**** với hạn mức sử dụng là 40.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010 và được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định “... Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”.

Căn cứ Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 18/01/2023 và Điều 25 của Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT đã được ký giữa Ngân hàng và ông N.

Căn cứ vào bảng sao kê ngày 10/10/2023 ; ngày 07/6/2024 và ngày 01/7/2024, Hội đồng xét xử nhận thấy việc thỏa thuận lãi suất giữa các bên là phù hợp với quy định của pháp luật. Theo đó bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi tạm tính đến ngày 01/7/2024 là 18.627.000 đồng. Ông Nguyễn Trọng N phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 02/7/2024 trên số nợ gốc cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Căn cứ tại Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về lãi suất quy định về quyền và N vụ của bên vay và bên cho vay thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với mức lãi suất trong hạn là 2.48%/ tháng là phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010. Tính đến ngày 01/7/2024, ông N còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT tổng số tiền lãi quá hạn là 18.627.000 đồng do đó Hội đồng xét xử nhận thấy giữa ông N và Ngân hàng đã tự nguyện thỏa thuận về lãi suất với hình thức vay tín chấp phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010. Căn cứ Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 thì ông N đã vi phạm N vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT do đó Hội đồng xét xử buộc ông N phải trả tổng số tiền lãi quá hạn là 18.627.000 đồng, tạm tính đến ngày 01/7/2024.

Như vậy, Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Trọng N phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT tổng số tiền lãi và gốc là tạm tính đến ngày 01/7/2024 là 68.658.901 đồng (*Sáu mươi tám triệu sáu trăm năm mươi tám ngàn chín trăm lẻ một đồng*), trong đó: Nợ gốc là 50.031.901 đồng và lãi quá hạn: 18.627.000 đồng.

Ông N tiếp tục thanh toán tiền lãi từ ngày 02/7/2024 cho đến khi ông N hoàn tất N vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT theo thỏa thuận trong hợp đồng gồm (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT) cho đến khi ông N trả dứt nợ.

Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về N vụ nộp án phí và Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT số tiền 1.297.365 (*Một triệu hai trăm chín mươi bảy ngàn ba trăm sáu mươi lăm đồng*) tiền tạm nộp án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0012809 ngày 13/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

Bị đơn phải chịu án phí tương đương với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là đồng. Do đó ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.432.945 (*Ba triệu bốn trăm ba mươi hai ngàn chín trăm bốn mươi lăm đồng*).

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 220; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010;

- Căn cứ Điều 280; Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn việc trả đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án;

- Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Trọng N có trách nhiệm phải trả ngay cho Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT tổng số tiền à 68.658.901 đồng (*Sáu mươi tám triệu sáu trăm năm mươi tám ngàn chín trăm lẻ một đồng*), trong đó: Nợ gốc là 50.031.901 đồng và lãi quá hạn: 18.627.000 đồng, tạm tính đến ngày 01/7/2024.

Ông Nguyễn Trọng N còn phải chịu thêm tiền lãi phát sinh trên tổng số nợ gốc kể từ ngày 02/7/2024 cho đến khi thanh toán xong theo như lãi suất hợp đồng được ký ngày 18/01/2023 giữa Ngân hàng hàng thương mại cổ phần SGTT với ông Nguyễn Trọng N sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng).

Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

-Ông Nguyễn Trọng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.432.945 (*Ba triệu bốn trăm ba mươi hai ngàn chín trăm bốn mươi lăm đồng*) .

-Hoàn lại số tiền tạm nộp án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT là 1.297.365 (Một triệu hai trăm chín mươi bảy ngàn ba trăm sáu mươi lăm đồng) tiền tạm nộp án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0012809 ngày 13/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận :

- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THA quận Gò Vấp;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đánh dấu